

Số: /2026/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do tỉnh, các xã, phường, đặc khu và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh Quảng Ngãi tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Đối tượng áp dụng

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên, vận động viên thuộc đội tuyển thể thao của tỉnh, các xã, phường, đặc khu và sở, ban, ngành thuộc tỉnh Quảng Ngãi đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia

1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại các môn thi đấu đơn, đôi, đồng đội, tập thể, toàn đoàn từng môn của các giải thi đấu thể thao vô địch quốc gia, mức thưởng cho mỗi giải cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung môn thi đấu	Mức thưởng			
		Huy chương Vàng (Giải Nhất)	Huy chương Bạc (Giải Nhì)	Huy chương Đồng (Giải Ba)	Phá kỷ lục được thưởng thêm
1	Đơn	15.000.000	9.000.000	6.000.000	6.000.000
2	Đôi	22.000.000	16.000.000	10.000.000	
3	Đồng đội	27.000.000	21.000.000	16.000.000	16.000.000
4	Toàn đoàn từng môn	30.000.000	23.000.000	17.000.000	
5	Tập thể, đồng đội (từ 04 đến 10 vận động viên)	65.000.000	45.000.000	35.000.000	
6	Tập thể (từ 11 vận động viên trở lên)	170.000.000	150.000.000	80.000.000	

2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại giải thi đấu thể thao quốc gia (vô địch cúp, vô địch các đội mạnh, vô địch các câu lạc bộ); các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại giải thi đấu quốc gia (vô địch trẻ, thiếu niên, nhi đồng, vô địch các nhóm tuổi, các giải vô địch U): Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia (vô địch khu vực, vùng, miền); Hội thi thể thao quần chúng toàn quốc; Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao toàn quốc: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội trong cùng một lần thi, vận động viên được hưởng 100% mức thưởng của một thành tích và từ huy chương thứ hai trở lên được hưởng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

7. Trường hợp huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt nhiều huy chương tại cùng một giải thi đấu thể thao thì được hưởng mức thưởng tương ứng với từng huy chương mà vận động viên đạt được.

Điều 3. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh

1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại các môn thi đấu đơn, đôi, đồng đội, tập thể, toàn đoàn từng môn của các giải thi đấu thể thao vô địch tỉnh, mức thưởng cho mỗi giải cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung môn thi đấu	Mức thưởng				
		Huy chương Vàng (Giải Nhất)	Huy chương Bạc (Giải Nhì)	Huy chương Đồng (Giải Ba)	Giải khuyến khích, phong cách	Phá kỷ lục được thưởng thêm
1	Đơn	1.000.000	700.000	400.000	200.000	400.000
2	Đôi	1.200.000	900.000	600.000		
3	Đồng đội	1.500.000	1.000.000	700.000		700.000
4	Toàn đoàn từng môn	2.000.000	1.500.000	1.000.000		
5	Tập thể, đồng đội (từ 04 đến 10 vận động viên)	8.000.000	5.000.000	2.000.000	1.000.000	
6	Tập thể (từ 11 vận động viên trở lên)	10.000.000	8.000.000	6.000.000	4.000.000	

2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại giải thi đấu thể thao tỉnh (vô địch cúp, vô địch các đội mạnh, vô địch các câu lạc bộ); các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại giải thi đấu thể thao tỉnh (vô địch trẻ, thiếu niên, nhi đồng, vô địch các nhóm tuổi, các giải vô địch U): Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao tỉnh (vô địch khu vực); Hội thi thể thao quần chúng tỉnh; Hội khỏe Phù Đổng tỉnh: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội thể dục thể thao tỉnh: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao xã, phường, đặc khu và sở, ban, ngành thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Mức thưởng bằng 80% theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

7. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội trong cùng một lần thi, vận động viên được hưởng 100% mức thưởng của một thành tích và từ huy chương thứ hai trở lên được hưởng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

8. Trường hợp huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt nhiều huy chương tại cùng một giải thi đấu thể thao thì được hưởng mức thưởng tương ứng với từng huy chương mà vận động viên đạt được.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện Nghị quyết này. Nhiệm vụ thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIV Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH